

BIẾN ĐỘNG THIẾT CHẾ NHÀ NƯỚC VÀ CẤU TRÚC TỔ CHỨC NGOẠI GIAO CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA THỜI KỲ 1955-1975

Nguyễn Thu Hằng

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: nguyenthuhang@husc.edu.vn

Ngày nhận bài: 8/4/2025; ngày hoàn thành phản biện: 17/4/2025; ngày duyệt đăng: 10/6/2025

TÓM TẮT

Từ sau năm 1954, Mỹ từng bước xâm lược Việt Nam. Mỹ đã thành lập ở miền Nam Việt Nam chính phủ thân Mỹ - Chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa do Mỹ dựng lên là công cụ phục vụ cho chiến lược toàn cầu của Mỹ và là một thực thể chính trị đã từng tồn tại trong một giai đoạn của lịch sử Việt Nam hiện đại. Hiện nay đã có không ít công trình nghiên cứu về chính thể Việt Nam Cộng hòa, nhưng vẫn còn nhiều khoảng trống. Bài viết tập trung tìm hiểu về những biến động thiết chế nhà nước và cấu trúc tổ chức ngoại giao chính quyền Việt Nam Cộng hòa thời kỳ 1955-1975. Qua đó góp thêm tư liệu phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập lịch sử Việt Nam hiện đại và lịch sử ngoại giao Việt Nam.

Từ khóa: Cấu trúc tổ chức Ngoại giao, Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Việt Nam Cộng hòa...

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 1954, khi thực dân Pháp thua trận tại Điện Biên Phủ và buộc phải ký Hiệp định Genève công nhận độc lập, chủ quyền của Việt Nam, Mỹ đã từng bước can dự và thay chân Pháp thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, định vị Việt Nam là tiền đồn ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản ở khu vực Đông Nam Á. Để thực hiện mục tiêu đó, Mỹ ủng hộ Ngô Đình Diệm thành lập chính phủ thân Mỹ ở miền Nam Việt Nam, loại bỏ phe thân Pháp và chống lại lực lượng cách mạng. Được sự trợ giúp của Mỹ, Ngô Đình Diệm đã tiến hành cuộc trưng cầu dân ý (23.10.1955), tuyên bố phế truất Quốc trưởng Bảo Đại của Quốc gia Việt Nam, thành lập chính thể Việt Nam Cộng hòa (26.10.1955). Với sự kiện này Việt Nam bị chia cắt thành hai miền với hai thể chế chính trị riêng biệt. Dưới sự bảo trợ của Mỹ, miền Nam Việt Nam trở thành nơi Mỹ chọn để thực hiện chiến lược toàn cầu ở khu vực Đông Nam Á. Như vậy, trong chiến

lược toàn cầu của Mỹ, chính quyền Việt Nam Cộng hòa vừa là đồng minh, vừa đóng vai trò là “đội quân tiên phong” âm mưu thực hiện chiến tranh xâm lược của Mỹ.

Chính quyền Việt Nam Cộng hòa về cơ bản do Mỹ dựng lên, lệ thuộc nặng nề vào Mỹ, là công cụ phục vụ cho chiến lược toàn cầu của Mỹ, nhưng cũng là một thực thể chính trị đã từng tồn tại trong một giai đoạn của lịch sử hiện đại Việt Nam. Hiện thực hai mặt đó đã dẫn đến những cách nhìn nhận khác nhau về vị thế, vai trò lịch sử của thể chế này. Vì vậy, cho đến hiện nay đã có không ít công trình nghiên cứu về chính thể Việt Nam Cộng hòa ở nhiều góc độ khác nhau, nhưng vẫn còn nhiều khoảng trống chưa được làm sáng tỏ, trong đó có vấn đề về cấu trúc tổ chức, hệ thống thiết chế của bộ máy nhà nước, và thực tiễn quá trình vận hành hệ thống thiết chế này. Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa là một thiết chế tiêu biểu, phản ánh hiện thực đó trên các phương diện. Trong khuôn khổ một bài nghiên cứu và trên cơ sở nguồn tư liệu lưu trữ khai thác được, bài viết tìm hiểu về biến động thiết chế nhà nước và cấu trúc tổ chức ngoại giao chính quyền Việt Nam Cộng hòa thời kỳ 1955 - 1975. Qua đó góp thêm tư liệu phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập lịch sử Việt Nam hiện đại và lịch sử ngoại giao Việt Nam.

2. BIẾN ĐỘNG THIẾT CHẾ NHÀ NƯỚC VÀ CẤU TRÚC TỔ CHỨC NGOẠI GIAO CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA GIAI ĐOẠN 1955-1963

- Sau cuộc Trưng cầu dân ý (23.10.1955) để gạt bỏ Quốc trưởng Bảo Đại, ngày 26.10.1955, Ngô Đình Diệm cho ban hành *Hiến ước tạm thời*, tạo cơ sở pháp lý để Ngô Đình Diệm làm Tổng thống Việt Nam Cộng hòa. Bản Hiến ước ra đời đã đánh dấu sự chấm hết của chế độ Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại đứng đầu, thành lập chế độ mới Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam. Ngày 29.10.1955, Ngô Đình Diệm ban hành Sắc lệnh số 4-TTP thành lập Chính phủ mới do chính ông làm Tổng thống, với thành phần như sau: Ngô Đình Diệm - Tổng thống kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Trần Trung Dung - Bộ trưởng phụ tá Bộ Quốc phòng, Nguyễn Hữu Châu - Bộ trưởng Bộ Phủ Tổng thống, Nguyễn Văn Thời - Bộ trưởng Bộ Cải cách điền địa, Nguyễn Công Viên - Bộ trưởng Bộ Canh nông, Trần Văn Mạo - Bộ trưởng Bộ Giao thông - Công chánh kiêm Bộ trưởng Bộ Kinh tế, Huỳnh Hữu Nghĩa - Bộ trưởng Bộ Lao động, Bùi Văn Thịnh - Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Nguyễn Dương Đôn - Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục, Trần Hữu Phương - Bộ trưởng Bộ Tài chánh, Nguyễn Dương Đông - Bộ trưởng Bộ Thanh niên, Trần Chánh Thành - Bộ trưởng Bộ Thông tin, Nguyễn Văn Sĩ - Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Vũ Quốc Thông - Bộ trưởng Bộ Xã hội kiêm Bộ trưởng Bộ Y tế, Vũ Văn Mẫu - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao [9, tr 105 – 106].

- Về cấu trúc tổ chức ngoại giao: Trên cơ sở Hiến ước tạm thời (26.10.1955) và Sắc lệnh số 4-TTP (29.10.1955) về ấn định thành phần Chính phủ, ngày 17.5.1956 Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Vũ Văn Mẫu đã ban hành Nghị định số 133-VP về tổ chức các cơ quan trung ương của Bộ Ngoại giao như sau [8]: Đứng đầu Bộ Ngoại giao là chức danh

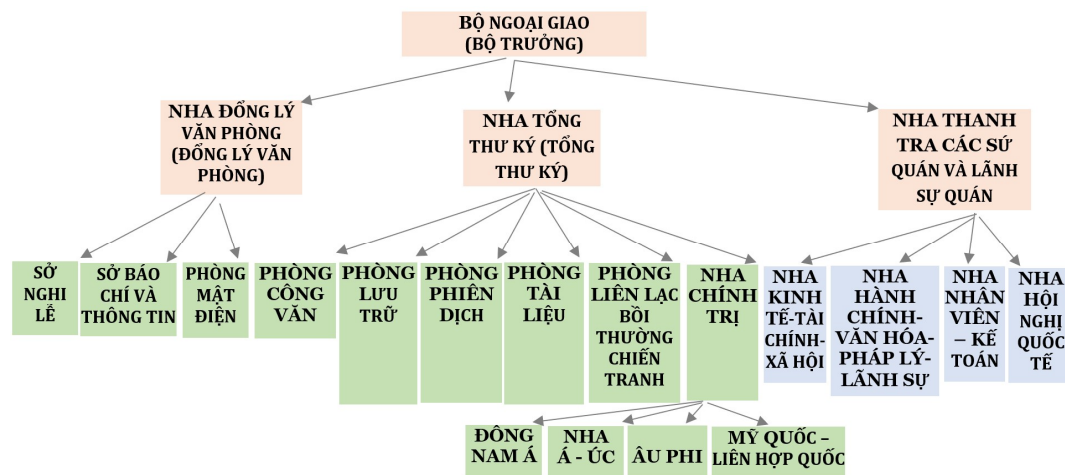
Bộ trưởng. Bộ Ngoại giao gồm: *Nha Đồng lý văn phòng, nha Tổng thư ký, các nha chuyên môn* (Chính trị, Kinh tế - tài chính và xã hội, Hành chính - văn hóa và lãnh sự, Nhân viên và kế toán, Hội nghị quốc tế), *nha Thanh tra các Sứ quán và Lãnh sự quán*. Trong đó:

Nha Đồng lý văn phòng: Đặt dưới quyền điều khiển của Đồng lý văn phòng, có 5 phụ tá (1 Chánh văn phòng, 1 Ủy viên công cán, 2 Tham chánh văn phòng, 1 Bí thư). *Nha Đồng lý văn phòng* tập trung các công văn đệ ký, xem xét các việc đệ trình Bộ trưởng, lo việc hội kiến - tiếp tân - kinh lý - công văn mật - thư tín riêng - mật điện của Bộ trưởng. Các sở, phòng trực thuộc *Nha Đồng lý văn phòng* gồm: *Sở Nghi lễ, Sở Báo chí và thông tin, Phòng Mật điện*.

Nha Tổng thư ký: Đặt dưới quyền điều khiển của một Tổng Thư ký, có nhiệm vụ phối hợp hoạt động với các Nha và Sở về mặt hành chính. *Nha Tổng Thư ký* trực tiếp quản lý các phòng: *Phòng Công văn, Phòng Lưu trữ văn kiện ngoại giao, Phòng Phiên dịch, Phòng Tài liệu, Phòng Liên lạc về bồi thường chiến tranh* (phòng này sẽ bãi bỏ khi công việc bồi thường hoàn tất).

Các Nha chuyên môn: *Nha Đông Nam Á; Nha Á - Úc; Nha Âu Phi; Nha Mỹ quốc - Liên hợp quốc; Nha Kinh tế - tài chính và xã hội* (gồm 4 phòng: phòng Liên lạc, phòng Hợp tác kinh tế và kỹ thuật, phòng Nghiên cứu và tài liệu, phòng Khuếch trương kinh tế); *Nha Hành chính - văn hóa - pháp lý và lãnh sự* (gồm 5 phòng: phòng Hành chính, phòng Liên lạc với Việt kiều ở hải ngoại, phòng Văn hóa, phòng Lãnh sự, phòng Pháp lý và tố tụng); *Nha Nhân viên và kế toán* (gồm 4 phòng: phòng Quản trị nhân viên tại Bộ, phòng Quản trị nhân viên tổng sự tại các sứ quán và lãnh sự quán, phòng Vật liệu và kiểm soát tài chính các sứ quán, phòng Kế toán); *Nha Hội nghị quốc tế* (có 2 phòng: phòng Nghiên cứu, phòng Chuyên môn).

Nha Thanh tra các Sứ quán và Lãnh sự quán: việc thanh tra các Sứ quán và Lãnh sự quán Việt Nam ở ngoại quốc do Bộ trưởng Ngoại giao đảm nhiệm.



Sơ đồ cấu trúc tổ chức ngoại giao Chính quyền Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1955-1963

3. BIẾN ĐỘNG THIẾT CHẾ NHÀ NƯỚC VÀ CẤU TRÚC TỔ CHỨC NGOẠI GIAO CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA GIAI ĐOẠN 1963-1967

Cuối năm 1960, chính quyền Ngô Đình Diệm bước vào thời kỳ khủng hoảng trầm trọng khi các cuộc đảo chính của các nhóm nổi dậy ngày càng gia tăng, sự bất đồng trong giới lãnh đạo quân sự và sự hoài nghi từ các nhà cố vấn ngày càng dâng cao. Đỉnh điểm của hoạt động ngầm chống đối anh em Ngô Đình Diệm là cuộc đảo chính ngày 11.11.1960 do Đại tá Nguyễn Chánh Thi và Trung tá Vương Văn Đông dẫn đầu. Bên cạnh đó, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam Việt Nam phát triển mạnh mẽ, điều này đã đe dọa đến chính sách thực dân mới của Mỹ. Niềm tin của Mỹ dành cho Ngô Đình Diệm ngày càng lung lay, đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự suy sụp toàn diện khiến chế độ độc tài gia đình trị của anh em Ngô Đình Diệm đứng trước nguy cơ sụp đổ.

Ngày 01.11.1963, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, Dương Văn Minh dẫn đầu nhóm tướng lĩnh trong quân đội Sài Gòn làm cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm, chấm dứt nền Đệ nhất Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam.

Một ngày sau cuộc đảo chính, "*Hội đồng quân nhân cách mạng*" được thành lập và ra quyết định phế truất Ngô Đình Diệm, bãi bỏ chế độ Tổng thống, tạm ngưng việc thực hiện Hiến pháp năm 1956, giải tán Quốc hội. "*Hội đồng quân nhân cách mạng*" nắm mọi quyền hành pháp, quyết định mọi vấn đề quan trọng về đối nội, đối ngoại, tiếp tục chính sách chống Cộng và lệ thuộc ngày càng nặng nề vào Mỹ. Ngày 04.11.1963, Hội đồng quân nhân cách mạng thực hiện luôn cả quyền lập pháp, ban hành *Hiến ước số 1*, từ đây cơ cấu tổ chức của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa được chuyển giao từ chế độ Tổng thống sang chế độ Quân nhân, từ chế độ độc tài gia đình trị sang chế độ độc tài quân phiệt.

Trong thành phần của Hội đồng quân nhân, Dương Văn Minh giữ chức Chủ tịch đồng thời là Quốc trưởng nắm quyền lập pháp và hành pháp. Cũng trong ngày 04.11.1963, Hội đồng quân nhân cách mạng chỉ định ông Nguyễn Ngọc Thơ - nguyên là Phó Tổng thống của chế độ Ngô Đình Diệm, lập Chính phủ lâm thời gồm 13 Tổng trưởng. Thành phần Chính phủ gồm có: Nguyễn Ngọc Thơ - Thủ tướng Chính phủ, kiêm Tổng trưởng Bộ Kinh tế và Bộ Tài chính, Trần Văn Đôn - Tổng trưởng Bộ Quốc phòng, Tôn Thất Đính - Tổng trưởng Bộ An ninh, Nguyễn Văn Mậu - Tổng trưởng Bộ Tư pháp, Phạm Hoàng Ho - Tổng trưởng Bộ Quốc gia giáo dục, Trần Lê Quang - Tổng trưởng Bộ Cải tiến nông thôn, Trần Tử Oai - Tổng trưởng Bộ Thông tin, Trần Ngọc Oanh - Tổng trưởng Bộ Công chánh và Giao thông, Dương Quang Tường - Tổng trưởng Bộ Y tế, Nguyễn Lê Giang - Tổng trưởng Bộ Lao động, Nguyễn Hữu Phi - Tổng trưởng Bộ Thanh niên thể thao, Nguyễn Thành Cung - Bộ trưởng tại phủ Thủ tướng, Lưu Văn Tinh - Bộ trưởng Bộ Tài chính, Âu Trường Thanh - Bộ trưởng Bộ Kinh tế, Phạm Đăng Lâm - Tổng trưởng Bộ Ngoại giao [3].

Mỹ rất hy vọng sau cuộc đảo chính, sẽ xây dựng một chính quyền tay sai vững mạnh để ổn định tình hình miền Nam. Tuy nhiên, mọi thứ không như kì vọng của Mỹ,

Chính quyền Sài Gòn liên tiếp đương đầu với sự chia rẽ, mâu thuẫn trong nội bộ. Sau khi lật đổ nền Đế nhất Cộng hòa, Hội đồng quân nhân cách mạng đã ra sức thanh trừng những người từng dính líu đến hệ thống quyền lực của Ngô Đình Diệm. Thêm vào đó, Chính quyền mới cũng ngày càng bất lực trước sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh đòi dân quyền, dân sinh, dân chủ và an sinh xã hội, chống độc tài, phản đối sự can thiệp của Mỹ của nhân dân miền Nam. Vì thế sau ba tháng cầm quyền của “*Hội đồng quân nhân cách mạng*”, Mỹ phải tính đến việc thay thế bằng con bài khác.

Ngày 30.01.1964, tướng Nguyễn Khánh tập hợp phe cánh tiến hành lật đổ Hội đồng quân nhân cách mạng của Dương Văn Minh. Cuộc đảo chính diễn ra êm đẹp, không tiếng súng, không người chết. Để nắm chính quyền, Nguyễn Khánh tuyên bố được “*Hội đồng quân nhân cách mạng*” cử làm Chủ tịch kiêm Tổng Tư lệnh quân đội, đồng thời tuyên bố đổi tên “*Hội đồng quân nhân cách mạng*” thành “*Hội đồng quân sự cách mạng*”. Chính phủ của Nguyễn Ngọc Thơ bị giải tán. Trong thời gian này, *Hiến ước số 2* được ban hành. Hội đồng quân sự cách mạng tiến cử tướng Dương Văn Minh giữ chức vụ Quốc trưởng và giao cho tướng Nguyễn Khánh lập chính phủ mới. Ngày 08.02.1964, Chính phủ Nguyễn Khánh được thành lập với thành phần như sau: Nguyễn Khánh - Thủ tướng, Nguyễn Tôn Hoàn - Phó Thủ tướng đặc trách Bình Định, Nguyễn Xuân Oánh - Phó Thủ tướng đặc trách kinh tế - tài chính, Đỗ Mậu - Phó Thủ tướng đặc trách văn hóa - xã hội, Lê Văn Hoạch - Quốc Vụ khanh, Hà Thúc Ký - Tổng trưởng Nội vụ, Trần Ngọc Oánh - Tổng trưởng Công chánh, Bùi Tường Huân - Tổng trưởng Quốc gia giáo dục, Trần Thiện Khiêm - Tổng trưởng Quốc phòng, Nguyễn Công Hân - Tổng trưởng Cải tiến nông thôn, Vương Quang Trường - Tổng trưởng Y tế, Đàm Sĩ Hiến - Tổng trưởng Lao động, Phạm Thái - Tổng trưởng Thông tin, Nguyễn Xuân Oánh - Tổng trưởng Tài chính, Âu Trường Thanh - Tổng trưởng Kinh tế, Nguyễn Văn Mậu - Tổng trưởng Tư pháp, Trần Quang Thuận - Tổng trưởng Xã hội, Nghiêm Xuân Hồng - Bộ trưởng phụ Thủ tướng, Phan Huy Quát - Tổng trưởng Ngoại giao [4].

Những tướng Chính phủ của Nguyễn Khánh có thể xoa dịu được tình hình, nhưng sự khủng hoảng vẫn tiếp tục diễn ra theo chiều hướng căng thẳng hơn. Nguyễn Khánh trở thành một nhà độc tài mới, nắm giữ hàng loạt chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quân sự, Tổng Tư lệnh quân đội, Tổng Tham mưu trưởng kiêm Thủ tướng Chính phủ. Bản chất độc tài quân phiệt của Nguyễn Khánh ngay lập tức gặp phải làn sóng phản kháng mạnh mẽ của Nhân dân. Để xoa dịu dư luận, ngày 27.8.1964, Mỹ chỉ đạo thành lập “*Ban Lãnh đạo lâm thời quốc gia*” gồm: Nguyễn Khánh tiếp tục làm Thủ tướng; Dương Văn Minh lại làm Quốc trưởng; Trần Thiện Khiêm trở lại giữ chức Tổng Tư lệnh quân đội [1].

Ngày 08.9.1964, Ban Lãnh đạo lâm thời quốc gia thành lập “*Thượng Hội đồng Quốc gia*” do ông Phan Khắc Sửu làm Chủ tịch. Tiếp đó, Thượng Hội đồng Quốc gia ban bố “*Hiến chương lâm thời*” kèm theo quyết định thiết lập một chế độ mới do ông Phan Khắc Sửu làm Quốc trưởng, Nguyễn Khánh làm Tổng Tư lệnh quân đội, Trần Văn Hương làm Thủ tướng [2]. Như vậy, Chính phủ giờ đây chỉ gồm các thành phần

dân sự. Tuy nhiên, mâu thuẫn, đảo chính giữa các phe nhóm vẫn tiếp tục diễn ra. Kết quả là ngày 20.12.1964, các tướng: Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Chánh Thi, Nguyễn Hữu Cồ làm đảo chánh lật đổ Thượng Hội đồng quốc gia và thành lập “*Quân lực Việt Nam Cộng hòa*” do Nguyễn Khánh làm Chủ tịch.

Ngày 27. 01.1965, Hội đồng Quân lực bổ nhiệm bác sỹ Phan Huy Quát thay ông Trần Văn Hương làm Thủ tướng Chính phủ và lập Chính phủ mới [5]. Nội các mới được thành lập gồm có 3 Phó Thủ tướng, 12 Tổng trưởng với 3 thành viên đại diện cho các tướng lĩnh tham gia.

Ngày 11.6.1965, Chính phủ của ông Phan Huy Quát tiếp tục bị lật đổ, các lực lượng ngụy quân công khai tuyên bố thành lập “*Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia*”. Thực chất, đây là tên gọi mới của Hội đồng quân lực (Hội đồng quân đội/Hội đồng quân nhân). Ủy ban gồm có 10 người với các chức vụ: Nguyễn Văn Thiệu - Chủ tịch; Phan Xuân Chiếu - Tổng Thư ký; Nguyễn Cao Kỳ - Ủy viên hành pháp; còn 7 ủy viên khác nắm Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu tư lệnh các vùng chiến thuật và tư lệnh biệt khu Sài Gòn - Gia Định. Ủy ban này đã nhanh chóng triệu tập Đại hội đồng quân lực để soạn thảo và ban hành “*Uớc pháp tạm thời*” vào ngày 19.6.1965. Theo “*Uớc pháp*”, một bộ máy chính trị mới được thành lập với hai cơ quan lãnh đạo cao nhất là: *Ủy ban lãnh đạo quốc gia* do Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ tịch kiêm Quốc trưởng và *Ủy ban hành pháp trung ương* do thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ lãnh đạo (Chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành pháp trung ương chính là chức Thủ Tướng chính phủ). [10, tr 53]

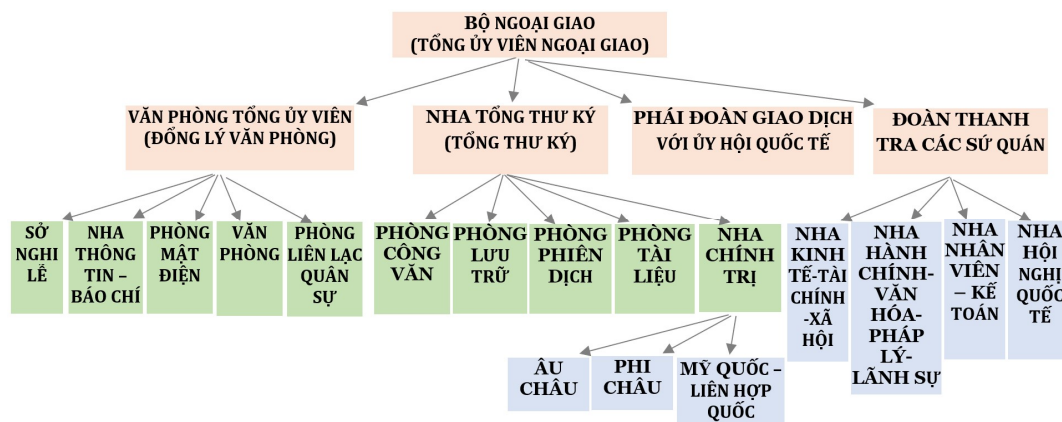
Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia ra Sắc lệnh số 001/a/CT/LĐQG tuyên bố thành lập Chính phủ mới với 5 Tổng Ủy viên, 10 ủy viên và 2 thư ký: các thành phần cụ thể gồm có: Nguyễn Cao Kỳ - Thủ tướng, Nguyễn Hữu Cồ - Tổng Ủy viên chiến tranh kiêm Ủy viên quốc phòng, Nguyễn Văn Vi - Tổng Ủy viên tư pháp, Trương Thái Tôn - Tổng Ủy viên kinh tế tài chính, Trần Ngọc Minh - Tổng Ủy viên xã hội kiêm giáo dục, Trần Minh Tiết - Ủy viên nội vụ, Đinh Trịnh Chính - Ủy viên Tâm lý chiến, Nguyễn Tấn Hồng - Ủy viên Thanh niên, Nguyễn Tất Ứng - Ủy viên xây dựng nông thôn, Lâm Văn Tài - Ủy viên canh nông, Trần Văn Kiện - Ủy viên tài chính, Ngô Trọng Anh - Ủy viên giao thông công chánh, Trần Ngọc Liên - Ủy viên xã hội, Nguyễn Xuân Phong - Ủy viên Lao động, Nguyễn Bá Khả - Ủy viên y tế, Nguyễn Văn Tương - Thứ ủy Nội vụ, Bùi Hiễn Thân - Thứ ủy giao thông công chánh, Trần Văn Đỗ - Tổng Ủy viên ngoại giao [10, tr 53]. Nhìn chung, trong khoảng thời gian tồn tại từ 19.6.1965 đến ngày 09.11.1967, nội các Nguyễn Cao Kỳ đã bắt đầu ổn định tương đối hơn so với giai đoạn trước đó. Điều này đã tạo tiền đề cần thiết cho quá trình khai sinh ra nền Đệ nhị Cộng hòa.

- Về cấu trúc tổ chức ngoại giao: Trên cơ sở Nội các có sự ổn định hơn, ngày 03.8.1965, Ủy ban Hành pháp trung ương đã ban hành Sắc lệnh số 162-NG về tổ chức các cơ quan trung ương của Bộ Ngoại giao như sau [8]: Đứng đầu Bộ Ngoại giao là chức danh *Tổng ủy viên ngoại giao*. Bộ Ngoại giao gồm: Văn phòng Tổng ủy viên, Nha

Tổng thư ký, Phái đoàn giao dịch với ủy hội quốc tế và Đoàn Thanh tra các Sứ quán. Trong đó:

Văn phòng Tổng ủy viên: đứng đầu là chức danh Đồng lý văn phòng, phụ tá gồm 1 Chánh Văn phòng, 2 Công cán ủy viên, 2 Tham chánh văn phòng và 1 Bí thư. Các sở, phòng trực thuộc Văn phòng Tổng ủy viên gồm: Văn phòng chính danh, Sở Nghi lễ, Nha Thông tin - Báo chí, Phòng Mật điện, Phòng Liên lạc quân sự; *Nha Tổng thư ký:* đặt dưới quyền điều khiển của một Tổng Thư ký, có nhiệm vụ phối hợp hoạt động của các Nha chính trị và các phòng chuyên môn; *Phái đoàn giao dịch với ủy hội quốc tế:* tương đương với Nha Hội nghị quốc tế giai đoạn Đệ nhất Cộng hòa. Có nhiệm vụ liên lạc với các Bộ, Nha chuyên môn của Bộ Ngoại giao để nghiên cứu các vấn đề được đem ra tranh luận tại các Hội nghị quốc tế; soạn thảo các chỉ thị cho các phái đoàn Việt Nam đi dự hội nghị quốc tế; sắp đặt hồ sơ đầy đủ về các tổ chức và hội nghị quốc tế; *Đoàn thanh tra các Sứ quán:* đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Tổng ủy viên ngoại giao. Gồm 1 Trưởng đoàn thanh tra và 4 thanh tra viên.

Như vậy, so với cơ cấu tổ chức Bộ Ngoại giao năm 1956, thì cơ cấu tổ chức Bộ Ngoại giao năm 1965 có một số điểm khác biệt như sau: Thứ nhất, đứng đầu Bộ Ngoại giao năm 1965 là chức danh Tổng ủy viên ngoại giao (năm 1956 là Bộ trưởng); Thứ hai, Tên gọi Nha Đồng lý văn phòng được thay bằng Văn phòng Tổng ủy viên (đứng đầu là Đồng lý văn phòng thay cho chức danh Chánh Văn phòng trước đây), và trực thuộc Văn phòng Tổng ủy viên có thêm Phòng Liên lạc quân sự; Thứ ba, các Nha, Phòng trực thuộc Nha Tổng thư ký không còn Nha Đông Nam Á; Thứ tư, trước đây Nha Hội nghị quốc tế trực thuộc Nha Tổng thư ký thì nay tách thành một đơn vị độc lập và đổi tên thành Phái đoàn giao dịch với ủy hội quốc tế.



Sơ đồ cấu trúc tổ chức ngoại giao Chính quyền Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1963-1967

4. BIẾN ĐỘNG THIẾT CHẾ NHÀ NƯỚC VÀ CẤU TRÚC TỔ CHỨC NGOẠI GIAO CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA GIAI ĐOẠN 1967 - 1975

- Ngày 11.9.1966 ở miền Nam diễn ra cuộc bầu cử Quốc hội lập hiến, với hơn 80% cử tri đi bỏ phiếu, bầu được 117 dân biểu Quốc hội lập hiến nhiệm kỳ đầu tiên [6]. Tiếp đó, ngày 01.4.1967, Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia Nguyễn Văn Thiệu ban hành bản Hiến pháp mới của chính thể Việt Nam Cộng hòa, đặt cơ sở pháp lý cho sự thành lập nền Đệ nhị Cộng hòa. Trong thời gian tồn tại của nền Đệ nhị Cộng hòa, Hiến pháp này chỉ có một lần điều chỉnh theo Luật số 001/74 ngày 22.01.1974 nhằm kéo dài nhiệm kỳ và mở rộng quyền hạn cho Tổng thống và Phó Tổng thống. Trên cơ sở Hiến pháp được ban hành, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa chuẩn bị cho cuộc bầu cử Tổng thống, Phó Tổng thống tháng 9.1967. Kết quả theo đúng như sự “sắp xếp” của Mỹ, ngày 31.10.1967, Nguyễn Văn Thiệu đắc cử Tổng thống và chính thức nhậm chức. Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu theo Hiến định sẽ trải qua 2 nhiệm kỳ: nhiệm kỳ I từ ngày 03.9.1967 đến ngày 03.10.1971 và nhiệm kỳ II từ ngày 03.10.1971 đến ngày 31.10.1975. Tuy nhiên, trên thực tế, Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức khi chưa hết nhiệm kỳ II vào ngày 21.4.1975. Trong giai đoạn từ 21.4.1975 đến 30.4.1975, chế độ Việt Nam Cộng hòa tiếp tục trải qua thêm hai đời Tổng thống là Tổng thống Trần Văn Hương (21.4.1975 - 27.4.1975) và Tổng thống Dương Văn Minh (27.4.1975 - 30.4.1975).

- Về cấu trúc tổ chức ngoại giao: Với bối cảnh lịch sử nêu trên, cơ cấu tổ chức Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1967 - 1975 trải qua hai lần sắp xếp, điều chỉnh.

Lần thứ nhất là vào ngày 14.7.1970, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 085-SL/NG quy định tổ chức trung ương Bộ Ngoại giao như sau:

Đứng đầu Bộ Ngoại giao là chức danh: Tổng trưởng ngoại giao. Bộ Ngoại giao gồm: Các phụ tá Nghiên cứu và sưu tầm, Nha Tổng Thư ký, Phái đoàn giao dịch với ủy hội quốc tế. Tuy nhiên đến ngày 30.7.1970, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa lại ban hành Sắc lệnh số 090-SL/NG sửa đổi lại tổ chức Bộ Ngoại giao như sau: Bộ Ngoại giao gồm Văn phòng Tổng trưởng (đứng đầu là Chánh Văn phòng. Các phòng trực thuộc Văn phòng Tổng trưởng là: Phòng An ninh, Phòng Mật mã, Phòng Tín hàm, Phòng Liên lạc quân sự), Các phụ tá Nghiên cứu và sưu tầm (xếp ngang hàng Tổng Giám đốc, có nhiệm vụ phân tích các vấn đề chính trị quốc nội, cộng sản quốc tế, cộng sản Việt Nam và các công vụ đặc biệt do Tổng trưởng giao phó), Nha Tổng Thư ký (do Tổng Thư ký đứng đầu), Phái đoàn giao dịch với ủy hội quốc tế [7].

Lần thứ hai là vào ngày 25.7.1974, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 177-SL/NG quy định tổ chức trung ương Bộ Ngoại giao như sau:

° *Thành phần chỉ đạo gồm: Tổng trưởng Ngoại giao - đứng đầu Bộ Ngoại giao, Thứ trưởng Ngoại giao - giúp việc cho Tổng trưởng, Các phụ tá Tổng trưởng: giúp Tổng trưởng hoạch định việc thi hành đường lối của Bộ cho các thành phần chuyên môn và hành chính, cho các nhiệm sở ngoại giao và Lãnh sự ở ngoại quốc; theo dõi, đôn đốc, phối hợp các hoạt động của các cơ quan thuộc Trung ương Bộ, các Nhiệm sở ngoại giao và Lãnh sự ở hải ngoại; thi hành các công tác đặc biệt do Tổng trưởng giao phó, nhất là công tác phối hợp thi hành Hiệp định Paris ngày 27. 01.1973, Văn phòng Tổng trưởng¹; Văn phòng Thứ trưởng².*

° *Thành phần Chuyên môn và Hành chính:*

Tổng Thư ký: có nhiệm vụ điều khiển tổng quát và phối hợp thường xuyên Khối Nghiên cứu, Khối Ngoại vụ, Khối Điều hành và Yểm trợ.

Khối Nghiên cứu: có nhiệm vụ sưu tầm tài liệu, nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến chính sách của Chính phủ, các đảng phái và đoàn thể, các vấn đề chính trị quốc nội, các vấn đề quốc tế và Cộng sản Việt Nam; Nghiên cứu và soạn thảo các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn của Bộ; phụ trách những công tác đặc biệt do Tổng trưởng giao phó; Chỉ huy và kiểm soát trung tâm huấn luyện ngoại giao; ấn loát và phổ biến các tài liệu do khối nghiên cứu soạn thảo cùng các tài liệu thuộc loại sách báo do các khối khác soạn thảo; theo dõi, đôn đốc các nhiệm sở khai thác các tài liệu do khối nghiên cứu soạn thảo và phúc trình về Bộ.

Khối Ngoại vụ: có nhiệm vụ tập trung và theo dõi tin tức cùng các biến chuyển về tình hình chính trị trên thế giới; khai thác phúc trình của các nhiệm sở ngoại giao và lãnh sự ở ngoại quốc để đấu tranh về mặt chính trị và ngoại giao; nghiên cứu hiệp ước thân hữu để đề nghị gia nhập, phê chuẩn, ký kết.

Khối Điều hành và yểm trợ: phụ trách các vấn đề liên quan đến lĩnh vực nghi lễ, lãnh sự, kinh tế, tài chính, xã hội và yểm trợ các phương tiện về nhân viên, vật liệu, dụng cụ để hoạt động của các cơ quan trung ương Bộ và các Nhiệm sở ngoại giao được điều hòa và hữu hiệu.

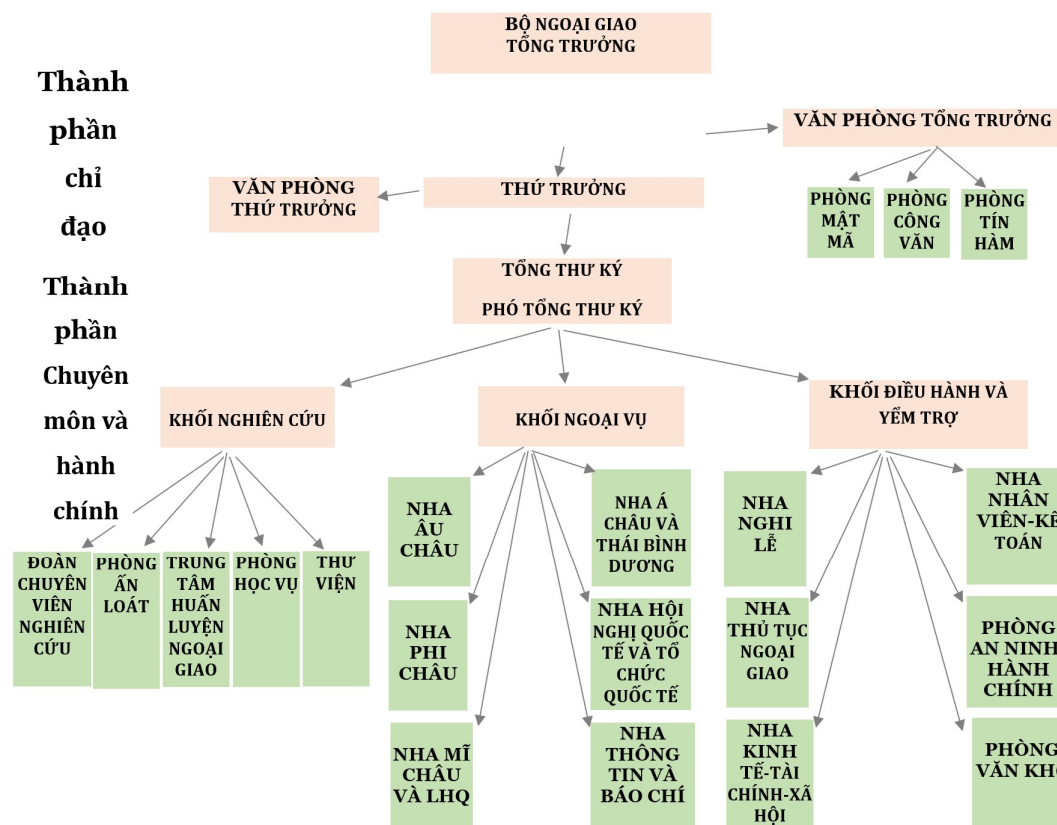
Các nhiệm sở ngoại giao và lãnh sự tại ngoại quốc: gồm các Tòa Đại sứ, các Tòa Tổng Lãnh sự và Lãnh sự, các Văn phòng Quan sát viên, các Văn phòng Đại diện, các Phái bộ.

Ủy ban Điều hợp: có nhiệm vụ thông đạt mục tiêu, đường lối và chương trình hoạt động của Bộ; kiểm điểm và thảo luận về các thành tích của các Nhiệm sở ngoại giao và Lãnh sự; Phát huy sự thông cảm giữa giới chức hoạch định đường lối và giới chức thi hành. [8]

¹ Đứng đầu là Chánh Văn phòng. Các phòng trực thuộc Văn phòng Tổng trưởng gồm: Phòng Công văn, Phòng Tín hàm, Phòng Mật mã và Télex.

² Gồm 1 Công cán ủy viên, 1 Tham Chánh văn phòng, 1 Bí thư.

Như vậy, so với trước, tổ chức Bộ Ngoại giao thời Đệ Nhị Cộng hòa qua hai lần sắp xếp, điều chỉnh có sự khác biệt như sau: thứ nhất, không còn Nha Thanh tra các Sứ quán và Lãnh sự quán mà thay vào đó là Các Phụ tá Nghiên cứu và Suru tầm; thứ hai, chức danh đứng đầu Văn phòng Tổng trưởng là Chánh Văn phòng (trước đây là Đồng lý văn phòng); thứ ba, thêm cấp trung gian giúp việc cho Tổng trưởng là Thứ trưởng; thứ tư, với lần điều chỉnh vào tháng 7.1974, tổ chức Bộ Ngoại giao được phân cấp về chức năng, nhiệm vụ theo lĩnh vực chuyên môn chi tiết, cụ thể hơn trên cơ sở chia chia Bộ Ngoại giao thành 2 thành phần: thành phần chỉ đạo và thành phần chuyên môn – hành chính. Có lẽ, sau những khủng hoảng chính trị liên tiếp diễn ra trong nội bộ từ năm 1963, uy tín và vị thế của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa bị giảm sút nghiêm trọng trên thế giới. Do vậy, ngay khi Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ được Mỹ đưa lên nắm chính quyền đã đặt nặng vấn đề ngoại giao, cố gắng kiện toàn guồng máy để hỗ trợ cho các hoạt động vận động ngoại giao, vận động dư luận quốc tế, vận động viện trợ ...



Sơ đồ cấu trúc tổ chức ngoại giao Chính quyền Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1967 - 1975

5. MỘT SỐ NHẬN XÉT

Qua nghiên cứu, tìm hiểu biến động thiết chế nhà nước và cấu trúc tổ chức ngoại giao Chính quyền Việt Nam Cộng hòa thời kỳ 1955 - 1975, chúng tôi có một số nhận xét như sau:

1. Thời kỳ 1955 - 1975, do tình hình chính trị ở miền Nam luôn biến động khó lường, cùng với sự thao túng của Mỹ, việc chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ tháng 11 năm 1963 đã dẫn tới khủng hoảng chính trị diễn ra liên tục trong giai đoạn 1963 - 1965; kể đến, nền Đệ nhị Cộng hòa giai đoạn 1965 - 1975 phải đối mặt với tình trạng chiến tranh đã làm cho cấu trúc tổ chức và hoạt động ngoại giao của chính quyền thiếu tính liên tục. Sự đứt đoạn trong tổ chức và hoạt động qua các giai đoạn làm cho cấu trúc tổ chức thiếu tính thừa kế, các chính sách ngoại giao không bền vững và các mối quan hệ quốc tế không ổn định. Đây là nguyên nhân chính làm cho Chính quyền Sài Gòn cả 3 giai đoạn lịch sử nói trên đều không có vị thế trong trường ngoại giao quốc tế.

2. Trong hai mươi năm tồn tại, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa (qua ba giai đoạn “Cộng hòa Đệ nhất 1955 - 1963, giai đoạn chuyển tiếp 1963-1965 và Cộng hòa Đệ nhị 1965 - 1975) đã rất tích cực trong việc kiện toàn bộ máy nhà nước nói chung và bộ máy ngoại giao nói riêng. Tuy nhiên, những hoạt động đó đều đặt dưới sự bảo trợ của Mỹ hoặc chịu ảnh hưởng ít nhiều từ chiến lược toàn cầu và chính sách ngoại giao của Mỹ nên tất yếu các chính sách và hoạt động ngoại giao sẽ mất đi tính độc lập, đây là một trong những thất bại lớn của Chính quyền này. Điều này thật dễ nhận thấy, ngay trong tổ chức trung ương Bộ Ngoại giao của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa, các Nha Chính trị hay Khối Ngoại vụ chỉ có các đối tác là các quốc gia đồng minh của Mỹ.

3. Về hình thức, trong quá trình tồn tại, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa vẫn được xem là một chủ thể độc lập, có tư cách pháp nhân trên trường quốc tế, có khả năng thực hiện chức năng đối ngoại nhất định. Bên cạnh đó, với sự giúp sức của Mỹ, Việt Nam Cộng hòa phần nào đã xây dựng được hình ảnh của mình, được thế giới biết đến nhiều hơn thông qua việc trở thành thành viên của các tổ chức quốc tế, có mặt ở một số hội nghị, diễn đàn quốc tế. Nhưng Chính quyền này lại không biết tận dụng dư luận thế giới để củng cố vị thế của mình. Nguyên nhân dẫn tới sự mất vị thế là do chính thể Việt Nam Cộng hòa ra đời trên nửa lãnh thổ phía Nam của Việt Nam như một sản phẩm thuần túy của người Mỹ trong chiến lược toàn cầu của quốc gia này nên không có sự hậu thuẫn của Nhân dân, do vậy họ đã mất đi tinh thần tự chủ trong các mối quan hệ quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phòng Hội đồng Quân nhân cách mạng, Sổ hồ sơ 1, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [2] Phòng Hội đồng Quân nhân cách mạng, Sổ hồ sơ 24, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [3] Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, *Hồ sơ tổ chức Chính phủ lâm thời Nguyễn Ngọc Thơ 1963-1964*, Hồ sơ số 4260, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [4] Phòng Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ tổ chức Chính phủ Nguyễn Khánh năm 1964*, Sổ hồ sơ 4261, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [5] Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, *Hồ sơ tổ chức Chính phủ Phan Huy Quát 1965*, Hồ sơ số 4626, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [6] Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, *Hồ sơ bầu cử Quốc hội lập hiến ngày 11.9.1966*, tập 21: Kết quả chung về bầu cử, Hồ sơ số 5050, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [7] Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, *Hồ sơ về tổ chức Bộ Ngoại giao và các cơ quan trực thuộc năm 1951 – 1975*, Hồ sơ số 10139, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [8] Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, *Hồ sơ về tổ chức Bộ Ngoại giao và các cơ quan trực thuộc năm 1951 – 1975*, Hồ sơ số 31988, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [9] Trần Nam Tiến (2020), *Ngoại giao của Chính quyền Sài Gòn (1955-1963)*, Nxb Tổng hợp, thành phố Hồ Chí Minh.
- [10] Mai Thanh Xuân (2010), “Quá trình phát triển của Chính phủ Sài Gòn 1965 – 1975”, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

THE CHANGES IN STATE INSTITUTION AND DIPLOMATIC ORGANIZATIONAL STRUCTURE OF THE REPUBLIC OF VIETNAM (1955-1975)

Nguyen Thu Hang

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: nguyenthuhang@husc.edu.vn

ABSTRACT

Since 1954, the United States gradually replaced France in its invasion of Vietnam. The U.S. established a pro-American government in South Vietnam - the Republic of Vietnam. This government, created and supported by the U.S., functioned as an instrument serving America's global strategy and represented a political entity that existed during a particular period of modern Vietnamese history. Although numerous studies have been conducted on the Republic of Vietnam regime, significant gaps remain. This paper focuses on examining the institutional changes of the state and the organizational structure of the Republic of Vietnam's diplomatic apparatus during the period 1955–1975. Through this investigation, it aims to contribute additional materials for study, teaching, and learning on modern Vietnamese history and Vietnam's diplomatic history.

Keywords: Organizational Structure of Diplomacy, Republic of Vietnam
Diplomacy, the Republic of Vietnam.



Nguyễn Thu Hằng sinh ngày 15/6/1985 tại Thừa Thiên Huế. Bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Lịch sử Việt Nam tại trường Đại học Khoa học, ĐH Huế năm 2008, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam năm 2010 tại trường Đại học Khoa học, ĐHH Huế. Bà công tác tại Khoa Lịch sử, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế từ năm 2009.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Việt Nam hiện đại, Kinh tế - xã hội Việt Nam hiện đại, Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại, Giao lưu văn hóa Đông – Tây cận hiện đại.